

Bản án số: **129/2019/HS-ST**
Ngày 22-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thắng

Ông Vũ Mạnh Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Tú - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Đức T; sinh năm 1969 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số Z ngõ X, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: không cố định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ V(đã chết) và con bà Nguyễn Thị L; vợ là Nguyễn Thị N; có 02 con; tiền án: 01 tiền án: Ngày 12-10-2015, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (ra trại ngày 14-10-2017); tiền sự: không.

*** Nhân thân:**

- Từ năm 1983 đến năm 1991 có 08 lần bị xử lý vi phạm hành chính về các hành vi trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, tập trung cải tạo.

- Ngày 12-7-1989, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân (đã xóa án tích).

- Ngày 11-5-1998, Tòa phúc thẩm - Tòa án nhân dân tối cao xử 06 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 13-3-2019; tạm giữ ngày 14-3-2019; tạm giam

ngày 20-3-2019. Danh chỉ bản số 101, lập ngày 15-3-2019 tại Công an quận Hai Bà Trưng. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1984; địa chỉ: H, quận H, Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 13-3-2019, Nguyễn Đức T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Blade mang BKS 29D1-783.18 đi đến khu vực gầm cầu Long Biên, đường Yên Phụ, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội tìm mua ma túy. Tại đây T gặp và mua của người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) một gói ma túy loại Heroine với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy, T cất giấu gói ma túy vào trong túi áo ngực bên phải đang mặc rồi điều khiển xe máy đi tìm nơi sử dụng. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đi xe máy tới khu vực trước cổng Công viên Thống Nhất, phố Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thì bị Tổ công tác công an phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng đang làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra. Qua kiểm tra, T đã tự giao nộp cho Tổ công tác 01 gói giấy bạc màu trắng kích thước 01x01cm bên trong chứa chất bột màu trắng từ túi áo ngực bên phải đang mặc và khai nhận là ma túy loại Heroin do T mua về để sử dụng. Tổ công tác Công an phường Ngô Thị Nhậm đã lập biên bản và tạm giữ, niêm phong tang vật và yêu cầu T về trụ sở cơ quan Công an để xác minh làm rõ. Ngoài ra, cơ quan công an còn tạm giữ của T 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen trắng, BKS 29D1-783.18; số máy 0060185, số khung 508778.

Ngày 13-3-2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chất bột màu trắng trong gói giấy bạc thu giữ của Nguyễn Đức T. Tại bản Kết luận giám định số 1626/KLGD-PC09 ngày 19-3-2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: *“Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy bạc màu trắng là ma túy loại Heroine, khối lượng 0,201gam”*.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho T, T khai không quen biết. Ngày 13-3-2019, Cơ quan công an đã tổ chức dẫn giải T để xác định nơi T mua ma túy và người bán ma túy cho T. Kết quả T xác định được vị trí mua ma túy là tại đường Yên Phụ, vị trí dưới gầm cầu Long Biên, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội nhưng không xác định được đối tượng đã bán ma túy cho T. Vì vậy, cơ quan công an không có căn cứ xác minh xử lý.

Về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade, mang biển kiểm soát 29D1-783.18 thu giữ của T: T khai nhận chiếc xe trên là của chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1984; trú tại số H, quận H, Hà Nội) là vợ cũ của T. Chị N mua và nhờ T đứng tên đăng

ký hộ. Việc T sử dụng xe đi mua ma túy chị N không biết. Qua xác minh chiếc xe trên mang tên chủ xe Nguyễn Đức T, xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Tại cơ quan điều tra, chị N có lời khai chiếc xe máy trên là do chị bỏ tiền ra mua, chỉ nhờ T đăng ký hộ chị. Chị chỉ cho T mượn xe đi nhờ. Việc T dùng xe để đi mua ma túy, chị không biết và có đơn đề nghị được nhận lại xe.

Tại bản Cáo trạng số 134/CT-VKSHBT-HS ngày 25-6-2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố Nguyễn Đức T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, xã hội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên N đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra nên Hội đồng quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Đức T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu huỷ 0,201 gam ma túy loại Heroine; Trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Blade, mang biển kiểm soát 29D1-783.18 cho chị Nguyễn Thị N.

Bị cáo nói lời sau cùng đã nhận thức ra lỗi lầm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, không áp dụng hình phạt tiền vì bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 13-3-2019, tại khu vực trước công viên Thống Nhất, phố Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Nguyễn Đức Thái có hành vi tàng trữ trái phép 0,201 gam ma túy loại Heroine.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền kiểm soát và quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an, gây bất bình và tâm lý lo lắng trong nhân dân. Ma túy đang là mối hiểm họa cho mỗi gia đình và toàn bộ xã hội, Nhà nước đã có nhiều chính sách cương quyết tuyên truyền vận động đến chế tài xử lý nghiêm khắc mọi hành vi liên quan đến ma túy. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo bản Cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Đức T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Đức T: Từ năm 1983 đến năm 1991, bị cáo có 08 tiền sự về các hành vi trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, tập trung cải tạo nhưng đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Năm 1989 và năm 1998 bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng đã được xóa án tích. Năm 2015, bị cáo có 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng chưa được xóa án tích. Phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, bị coi là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật, đã bị cơ quan pháp luật xử lý và kết án nhiều lần nhưng không chịu sửa chữa khắc phục, lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân để rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học, răn đe người khác. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét bị cáo T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với người đàn ông T khai đã bán ma túy cho T tại gầm cầu Long Biên, đường Yên Phụ, Phúc Xá, Hà Nội do T khai không biết rõ tên tuổi địa chỉ,

cơ quan điều tra truy tìm nhưng không xác định được. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh xử lý là có cơ sở.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ 0,201 gam ma túy loại Heroine - đây là chất độc hại, Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Blade mang BKS 29D1-783.18: Quá trình điều tra đã xác định là của chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1984; trú tại số H, quận H, Hà Nội), chị N mua và nhờ T đứng tên đăng ký, chị N không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Chị N có đơn đề nghị được nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác, nên trả lại cho chị N chiếc xe máy trên.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Đức T 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13-3-2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 (một) phong bì đã được niêm phong bên trong có chứa 0,201 gam ma túy loại Heroine bên ngoài có chữ ký của giám định viên và Nguyễn Đức T.

- Trả lại chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1984; trú tại số H, quận H, Hà Nội) 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Blade mang BKS 29D1-783.18; số máy 0060185; số khung 508778.

Các vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 25-6-2019 giữa Công an quận Hai Bà Trưng với Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- VKSND TP Hà Nội;
- Toà án NDTP Hà Nội;
- Công an quận Hai Bà Trưng;
- Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thủy